

Bản án số:59/2019/HS- ST

Ngày 25-11-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị O

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Lâm G

Ông Trần Anh D

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị D - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị B - Kiểm sát viên .

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 61/2019/TLST- HS ngày 11 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 209/2019/QĐXXST- HS ngày 12 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

* Họ và tên: Nguyễn Xuân N, sinh ngày 05 tháng 6 năm 1997

Tên gọi khác: không; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn Đ, xã V, huyện T, tỉnh B; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T (đã chết) và bà: Giáp Thị Th; vợ, con: chưa có; tiền sự: không; tiền án: Tại Bản án số 145/2018/HS-ST ngày 23/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B xử phạt Nguyễn Xuân N 01 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 05/6/2018. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/4/2019. Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/9/2019, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T (có mặt tại phiên tòa).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Giáp Thị Th, sinh năm 1969 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn Đ, xã V, huyện T, tỉnh B;

- Anh Lê Xuân Th, sinh năm 1996 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn H, xã V, huyện T, tỉnh B;
- Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1977 (vắng mặt)
Nơi cư trú: thôn Đ, xã L, huyện T, tỉnh B;
* Người làm chứng:
- Anh Lê Văn C, sinh năm 1966 (vắng mặt)
Nơi cư trú: thôn D, xã A, huyện T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 13/9/2019, Nguyễn Xuân N, sinh năm 1997 trú tại thôn Đ, xã V, huyện T, tỉnh B (là người đã có 01 tiền án về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy) điều khiển xe mô tô kiểu dáng Dream, không có biển kiểm soát đến Lê Xuân Th, sinh năm 1997 trú tại thôn H, xã V, huyện T, tỉnh Bắc G là bạn của N chơi. Khi đến nhà Th, N gặp Th ở cổng, N nói với Th “Đi lấy một cái về chơi” ý N rủ Th đi mua ma túy Heroine về sử dụng, Th hiểu ý N nói nên đồng ý. N đưa cho Th số tiền 120.000 đồng (một trăm hai mươi nghìn đồng) Th cầm tiền cất vào túi quần đang mặc, sau đó, Th điều khiển xe mô tô của N chở N đi từ nhà Th theo Quốc lộ 17 lên khu vực xã L, huyện T mục đích mua ma túy để cùng nhau sử dụng. Khi T và N đi đến khu vực bờ đê thuộc thôn Đ, xã L, huyện T, T dừng xe mô tô lại bảo N xuống xe đợi Th để Th đi mua ma túy. Sau khi N xuống xe, Th đi bộ một mình đến nhà Nguyễn Văn H- sinh năm 1977, trú tại thôn Đ, xã L, huyện T, tỉnh B. Khi đến nhà H, Th gặp H, Th bảo H bán cho Th 120.000 đồng tiền ma túy, H cầm 120.000 đồng của Th, sau đó H đưa cho Th 01 (một) gói ma túy Heroine (có đặc điểm mặt ngoài màu trắng bạc, mặt trong màu trắng, bên trong đựng chất cục bột màu trắng). Sau khi mua được ma túy, Th đi bộ ra chỗ N đứng đợi trước đó và đưa gói ma túy vừa mua được của H cho N. N biết đó là gói ma túy mà Th vừa mua được nên cầm gói ma túy của Th đưa và bảo Th đi mua xy lanh để cùng sử dụng, Th đồng ý. Th điều khiển xe mô tô chở N đến cửa hàng bán thuốc tây ở khu vực trung tâm xã A, huyện T, Th đỗ xe đứng ở ngoài, còn N vào cửa hàng bán thuốc mua một chiếc xy lanh. Sau khi mua xy lanh xong, Th tiếp tục điều khiển xe mô tô chở N ra khu vực cánh đồng xã A, huyện T để cùng nhau sử dụng ma túy. Trên đường đi, Th điều khiển xe mô tô, còn N ngồi sau mở gói ma túy ra đổ chất ma túy vào xy lanh, còn vỏ gói ma túy N vứt đi. Đến khoảng 20 giờ 20 phút cùng ngày, Th điều khiển xe mô tô chở N đến khu vực cánh đồng thuộc địa phận thôn D, xã A, huyện T thì Th đỗ xe lại. Th và N xuống xe mô tô, ngồi ở bờ ruộng chuẩn bị sử dụng ma túy thì bị lực lượng Công an huyện T phát hiện, bắt quả tang Th và N có hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, do hoảng sợ N đã thả chiếc xy lanh đựng ma túy xuống đất ngay vị trí N đang đứng. Vật chứng thu giữ khi bắt quả tang bao gồm:

- 01 (một) bơm kim tiêm bằng nhựa, màu trắng, loại 3ml/cc bên trong đựng chất cục bột màu trắng, được niêm phong trong phong bì thư có ký hiệu “QT”.

- Thu của Lê Xuân Th 01(một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia màu đen có số code: 0592248, đã qua sử dụng.

- 01(một) xe mô tô kiểu dáng Dream, không có biển kiểm soát có số khung: 000703 và số máy: 040703.

Căn cứ lời khai của Lê Xuân Th, ngày 14/9/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở, đồ vật, phương tiện đối với Nguyễn Văn H, quá trình khám không thu giữ tài liệu, đồ vật gì có liên quan đến ma túy.

Ngày 14/9/2019, bà Giáp Thị Th, sinh năm 1969 trú tại thôn Đ, xã V, huyện T, tỉnh B (là mẹ đẻ của Nguyễn Xuân N) đã giao nộp cho Cơ quan điều tra Công an huyện T 01 chiếc biển kiểm soát xe mô tô 98Y1- 0795 và 01 đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 98Y1- 0795 mang tên Nguyễn Văn H.

Tại Kết luận giám định số 1472/KL-KTHS ngày 16/9/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B kết luận:

“ Trong 01 (một) phong bì có ký hiệu “QT”, đã được niêm phong gửi giám định:

Chất cục bột màu trắng đựng trong 01 (một) xy lanh nhựa màu trắng loại 3ml/cc là ma túy Heroine, có khối lượng 0,036 gam”.

Quá trình điều tra Nguyễn Xuân N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại Cáo trạng số: 56/CT- VKS, ngày 08/11/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên đã truy tố Nguyễn Xuân N về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm a khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

* Tại phiên toà hôm nay đại diện VKSND huyện T giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Nguyễn Xuân N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

* Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt: Nguyễn Xuân N từ 16 tháng tù đến 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 14/9/2019.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng.

Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy như bản cáo trạng đã nêu, bị cáo không tranh luận mà chỉ đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Giáp Thị Th trình bày: bà là mẹ đẻ của bị cáo N. Bà không biết bị cáo sử dụng chiếc xe mô tô dáng Dream của bà để đi mua ma túy. Đến nay, bà đã nhận lại chiếc xe và chiếc biển kiểm soát 98Y1- 0795 của chiếc xe mô tô trên nên bà không đề nghị và yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Xuân Th trình bày: anh là bạn với bị cáo N. Ngày 13/7/2019, bị cáo N có rủ anh đi chơi và sau đó anh và bị cáo có đến thôn Đ, xã L để mua ma túy. Sau khi mua ma túy, anh và bị cáo đi mua xy lanh và đến cánh đồng thôn D, xã A để sử dụng ma túy thì bị lực lượng công an bắt quả tang. Khi bị bắt quả tang anh bị thu giữ chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia màu đen. Chiếc điện thoại này anh không sử dụng vào việc phạm tội. Đến nay anh đề nghị được xin lại chiếc điện thoại trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, tuy nhiên họ đã có lời khai trong quá trình điều tra. Sự vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 292 và khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về tội danh và hình phạt: Tại phiên tòa, bị cáo có mặt đã hoàn toàn khai nhận về hành vi phạm tội của mình như quyết định truy tố đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp biên bản phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ được, kết luận giám định, phù hợp lời khai của người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ do Cơ quan điều tra thu thập về thời gian, không gian, địa điểm nơi xảy ra vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận:

Hồi 20 giờ 30 phút ngày 13/9/2019, tại cánh đồng thuộc thôn D, xã A, huyện T, tỉnh B, Công an huyện T phát hiện bắt quả tang Nguyễn Xuân N, sinh năm 1997 trú tại thôn Đ, xã V, huyện T, tỉnh B là người đã có 01 tiền án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” chưa được xóa án tích, có hành vi tàng trữ trái phép 0,036 gam ma túy Heroine mục đích để sử dụng cho bản thân.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Do vậy, bản Cáo trạng truy tố bị cáo với tội danh và điều luật đã viện dẫn ở trên là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của nhà nước, gây mất trật tự trị an tại địa phương.

Vì vậy cần áp dụng Điều 38 Bộ luật hình sự để xét xử bị cáo hình phạt tù tương xứng để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Hội đồng xét xử thấy:

Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thấy: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy: Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội do bị cáo gây ra. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần xem xét để giảm nhẹ cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[5] Về hình phạt bổ sung: bị cáo vừa chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương, không có thu nhập và tài sản, sống phụ thuộc vào gia đình nên không cần áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự.

[6] Đối với Nguyễn Văn H, Cơ quan điều tra đã đấu tranh với H nhưng H không thừa nhận bán ma túy cho Lê Xuân Th. Cơ quan điều tra đã tiến hành cho Th đối chất với H nhưng không có kết quả. Ngoài lời khai của Th ra không có tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh việc H bán ma túy cho Th vào tối ngày 13/9/2019 nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý đối với H. Ngày 31/10/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tách phần tài liệu liên quan đến H ra khỏi hồ sơ vụ án để tiếp tục điều tra, khi nào có căn cứ sẽ xem xét xử sau.

[7] Đối với Lê Xuân Th có hành vi mua ma túy của Nguyễn Văn H mục đích để sử dụng cho bản thân. Tuy nhiên bản thân Th chưa có tiền án, tiền sự về tội phạm ma túy, trọng lượng ma túy mà Th tàng trữ không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên ngày 31/10/2019 Trưởng Công an huyện T đã Quyết định xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng đối với Th về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

[8] Về vật chứng:

01 (một) phong bì thư có ký hiệu “QT” mẫu chất cục bột màu trắng là chất ma túy Heroine còn lại sau giám định 0,018 gam, vỏ bao gói sau giám định, phong bì được niêm phong lại bằng dấu của phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh B, có chữ ký của giám định viên Hoàng Xuân Ph và và đại diện cơ quan trưng cầu giám định là vật chứng cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia màu đen có số code: 0592248, đã qua sử dụng thu giữ của Lê Xuân Th. Quá trình điều tra xác định chiếc điện thoại

này là tài sản cá nhân của Th không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho anh Th.

Đối với chiếc xe mô tô kiểu dáng Dream, có số khung: 000703 và số máy: 040703 thu giữ khi bắt quả tang. Quá trình điều tra đã xác định chiếc xe mô tô này đăng ký biển kiểm soát 98Y1- 0795 là tài sản riêng của bà Giáp Thị Th. Ngày 31/10/2019, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả chiếc xe mô tô trên cùng đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 98Y1- 0795 và chiếc biển kiểm soát 98Y1- 0795 cho bà Giáp Thị Th quản lý, sử dụng. Đến nay bà Th đã nhận lại chiếc xe và không có yêu cầu, đề nghị gì.

[9] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[10] Về quyền kháng cáo: bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1, 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt và xử lý vật chứng là có căn cứ cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Xuân N 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 14/9/2019. Không phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

2. Về vật chứng: căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu huỷ: 01 (một) phong bì thư có ký hiệu “QT” mẫu chất cục bột màu trắng là chất ma túy Heroine còn lại sau giám định 0,018 gam, vỏ bao gói sau giám định, phong bì được niêm phong lại bằng dấu của phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh B, có chữ ký của giám định viên Hoàng Xuân Ph và đại diện cơ quan trưng cầu giám định.

Trả lại cho anh Lê Xuân Th 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia màu đen có số code: 0592248, đã qua sử dụng.

3. Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Xuân N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận

- TAND Tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu Hs, Vp.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị O